TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **53**/2018/DS-PT
Ngày: 25/01/2018
V/v: "Đòi lại tài sản và hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BT

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư
Cùng các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc K
Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BT.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BT, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2017/TLPT-DS ngày 13/11/2017 về "*Đòi lại tài sản và tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2017/QĐ-PT ngày 10/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 141/2017/QĐ-PT ngày 25/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Phạm Thị L, sinh năm 1956 (có mặt);

1.2 Ông Võ Văn K, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Ông K ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh BT.

2. Bị đơn:

Ông Mai Văn K , sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh BT.

3. Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BT

Địa chỉ: số 75 đường A, Phường B, thành phố BT, tỉnh BT.

Người đại diện theo pháp luật: bà Đặng Huỳnh Ức M, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Đỗ Ngọc L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: 65 A, phường B, Quận C, TP. Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2 Ngân hàng thương mại cổ phần KL

Địa chỉ: 40, 42, 44 A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Võ Văn C, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: số 517 đại lộ A, phường Phú KK, thành phố BT, tỉnh BT (có mặt).

Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày:

Khoảng năm 2000 bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K có làm thuê cho ông Mai Văn K tại Công ty xây dựng BT, sau đó công ty này bị giải thể nên trụ sở làm việc bị nhà nước lấy lại bán, lúc này ông K có đất ở khu phố 6, thị trấn Ba Tri nhưng không có tiền đầu tư xây dựng trụ sở mới nên mới kêu hai mẹ con bà hùn vốn với ông để thành lập công ty xây dựng, nội dung thỏa thuận là bà L, ông K bỏ tiền ra để xây dựng nhà làm việc, nhà kho trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thị trấn Ba Tri do ông Mai Văn K đứng tên quyền sử dụng đất để thành lập công ty trách hiệm hữu hạn một thành viên do ông K làm giám đốc, thỏa thuận trên của hai bên có lập tờ giao kèo, có nhân chứng chứng kiến. Đến năm 2013 ông K bị công ty Xuất nhập khẩu BT khởi kiện yêu cầu ông K trả cho công ty số tiền hơn 1 tỷ đồng mà ông K đã nợ công ty trước đây, số nợ này bà L và ông K không hề hay biết. Tòa án đã buộc ông K trả cho công ty, ông K không có tiền nên công ty Xuất nhập khẩu BT yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản của ông K để thu hồi nợ. Việc cơ quan Thi hành án phát mãi đất và tài sản trên đất của thửa 100, tờ bản đồ số 17, trong đó có tài sản trên đất là của nguyên đơn đã bỏ tiền ra xây dựng. Ngày 16/9/2009 ông K và bà vay vốn Ngân hàng tK mại cổ phần KL chi nhánh BT số tiền là 350.000.000 đồng để kinh doanh và thế chấp phần đất nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình trả vốn và đóng lãi cho ngân hàng thì bà L tự bỏ tiền ra để

trả cho ngân hàng tổng cộng là 475.000.000 đồng. Đến năm 2016 thì không trả vốn và lãi nữa, hiện còn nợ tiền vốn ngân hàng là 168.400.000 đồng. Nay ông K, bà L yêu cầu ông Mai Văn K giao trả cho nguyên đơn nhà kho và nhà làm việc tổng cộng diện tích xây dựng qua đo đạc thực tế là 119m^2 trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thị trấn Ba Tri, còn đất thì bà L, ông K đồng ý mua lại theo giá đã định. Đối với yêu cầu ông K trả số tiền 457.000.000 đồng thì bà xin rút lại không yêu cầu và đồng ý cùng ông K tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng KL.

Bị đơn là ông Mai Văn K trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà Phạm Thị L về việc xây dựng nhà kho, nhà làm việc của công ty trách nhiệm hữu hạn Tường Vy. Sau khi công ty cổ phần xây dựng BT phá sản thì ông thành lập công ty Tường Vy nhưng do bà L và ông K bỏ tiền ra xây dựng lúc đó là 200.000.000 đồng. Nay ông đồng ý trả lại nhà cho bà L còn đất thì để thi hành án xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với khoản tiền 475.000.000 đồng mà bà L đã trả cho ngân hàng KL thì ông đồng ý trả lại cho bà L. Đối với khoản tiền còn nợ Ngân hàng KL còn lại thì ông đồng ý trả nhưng để thi hành án phát mãi bán tài sản của ông mới có tiền trả.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 04/10/2016 đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng KL là ông Phạm Thành L trình bày: vào ngày 16/9/2009 ông Mai Văn K và bà Phạm Thị L có vay của ngân hàng KL số tiền là 350.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số TD 1843/HĐTD ngày 16/9/2009 để mua máy Kobe, bơm cát và xây hàng rào, khi vay có thế chấp quyền sử dụng đất các thửa số 100 tờ bản đố số 17, thửa số 596 tờ bản đồ số 01, thửa số 842 tờ bản đồ số 09 do ông Mai Văn K đứng tên quyền sử dụng đất và thửa số 1017 tờ bản đồ số 8 do bà L đứng tên để bảo đảm khoản vay trên, còn tài sản trên đất thì không thế chấp do ông K, bà L xây dựng nhà không có xin phép. Trong thời gian vay thì bà L, ông K có trả một phần vốn là 181.600.000 đồng và lãi quá hạn là 169.879.815 đồng, tổng cộng là 338.279.815 đồng. Nay phía Ngân hàng yêu cầu ông K, bà L trả cho ngân hàng số tiền là 338.279.815 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 03/10/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ. Nếu sau này án có hiệu lực pháp luật, ông K và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc, tiền lãi thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản thế chấp theo hợp đồng bảo đảm tiền vay nêu trên để thanh toán hết nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của công ty Xuất Nhập khẩu BT là bà Nguyễn Đỗ Ngọc L trình bày: trước đây ông K còn nợ phía công ty Xuất nhập khẩu BT là

1.158.625.586 đồng, năm 2010 công ty đã khởi kiện ông K ra Tòa và Tòa án đã giải quyết xong bằng quyết định đã có hiệu lực, do ông K không thực hiện theo thỏa thuận nên công ty đã yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ba tri phát mãi tài sản của ông K trong đó có thửa đất số 100 tờ bản đồ số 7 mà hiện nay bà L cho rằng tài sản trên đất là của bà để kéo dài việc thi hành án của ông K làm ảnh hưởng đến quyền L của công ty nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, xác định tài sản trên có căn cứ nào là thuộc quyền sở hữu của bà L không, vì đất là của ông K đứng tên để phía công ty sớm thu hồi lại khoản nợ của ông K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 65/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri quyết định:

Căn cứ Điều 165, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự, Điều 306 Luật tK mại, pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị L, Võ Văn K về việc yêu cầu ông Mai Văn K trả lại nhà làm việc và nhà kho trên phần đất thuộc thửa 100 tờ bản đồ số 17 (hiện thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 17) tọa lạc tại thị trấn Ba Tri nhưng chỉ nhận bằng giá trị tài sản. Buộc ông Mai Văn K thanh toán tài sản cho bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K số tiền là 152.964.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà L, ông K về việc yêu cầu ông K trả số tiền 475.000.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng KL, buộc ông Mai Văn K và bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng KL chi nhánh BT số tiền là 338.279.815 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2017 công ty cổ phần Xuất nhập khẩu BT kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên Toà phúc thẩm đại diện Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu BT vẫn giữ quan điểm kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm xem xét chứng cứ chưa toàn diện. Các đương sự khác đề nghị giữ nguyên bản án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: tờ giao kèo lập năm 2009 thể hiện rõ nội dung bà L, ông K bỏ vốn xây dựng trụ sở công ty Tường Vy trên đất ông K. Tờ giao kèo có xác nhận của ông Tạo và ông Trực. Tuy ông Tạo và ông Trực có thay đổi lời

khai nhưng hai ông xác nhận là nhận tiền công từ bà L, còn việc bà L và ông K giao tiền như thế nào thì hai ông không chứng kiến. Như vậy có cơ sở xác định nhà kho được xây dựng từ nguồn tiền của bà L, ông K. Yêu cầu của bà L là có căn cứ. Đề nghị HĐXX y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào năm 2009 bà L, ông K có hùn vốn với ông K để xây dựng nhà làm việc, nhà kho trên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thị trấn Ba Tri do ông Mai Văn K đứng tên quyền sử dụng đất để thành lập công ty TNHH Tường Vy. Bà L và ông K cùng vay vốn của Ngân hàng KL chi nhánh BT số tiền 350.000.000 đồng, số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 02/10/2016 là 338.279.815 đồng. Năm 2014 thì trụ sở của Công ty TNHH Tường Vy và thửa đất bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri kê biên để thi hành nghĩa vụ trả nợ của ông K đối với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BT, do ông K nợ riêng trước năm 2009. Trụ sở công ty TNHH Tường Vy là do bà L, ông K góp vốn xây dựng nên bà yêu cầu ông K trả lại. Đối với số tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại của Ngân hàng KL thì bà L và ông K đồng ý liên đới để trả nợ. Lời trình bày của bà L và ông K thống nhất với nhau và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, do vậy có căn cứ để cho rằng việc bà L, ông K và ông K cùng thỏa thuận góp vốn làm ăn là có thật. Cụ thể ông K là người có đất, bà L, ông K bỏ tiền ra xây dựng trụ sở. Tuy nhiên, thửa đất mà ông K cùng góp vốn làm ăn chung với bà L, ông K bị Chi chục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri kê biên để thực hiện nghĩa vụ trả nợ riêng của ông K trước đó. Do trụ sở công ty và nhà kho nằm trên đất là của bà L và ông K góp vốn xây dựng nên khi thửa đất số 100 tờ bản đồ số 17 thị trấn Ba Tri bị kê biên, nghĩ nên buộc ông K có trách nhiệm thanh toán lại giá trị bằng tiền mặt cho bà L, ông K là phù hợp, không ảnh hưởng đến việc thu hồi nợ của Ngân hàng KL và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu BT.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút lại yêu cầu ông K trả số tiền 475.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX ghi nhận và không xem xét giải quyết.

Đại diện của Ngân hàng KL, chi nhánh BT có yêu cầu độc lập, yêu cầu bà L và ông K cùng liên đới trả số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 02/10/2016 là 338.279.815 đồng. Xét thấy lời trình bày của đại diện Ngân hàng KL thống nhất với lời khai của nguyên đơn, bị đơn và phía nguyên đơn, bị đơn thừa nhận và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng nên yêu cầu độc lập của ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Công ty Xuất nhập khẩu BT kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm vì cho rằng tờ giao kèo ngày 01/3/2009 là không có cơ sở. Tuy nhiên, tờ giao kèo này được bà L, ông K thừa nhận. Mặt khác người làm chứng là ông Trần Văn Trực và ông Trần Văn Tạo xác nhận năm 2009 có làm nhà cho bà L và bà L là người trả tiền công cho các ông. Nội dung và hình thức của tờ giao kèo là đúng quy định của pháp luật, phía công ty Xuất nhập khẩu BT không có căn cứ gì để chứng minh tờ giao kèo là không khách quan, do vậy cấp sơ thẩm chấp nhận tờ giao kèo là có căn cứ.

Từ những nhận định trên thấy rằng án sơ thẩm buộc ông K phải thanh toán lại giá trị tài sản cho bà L và ông K số tiền là 152.964.000 đồng là có cơ sở. Kháng cáo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu BT là không có căn cứ chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về chi phí tố tụng, nguyên đơn phải chịu và đã thanh toán xong.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu BT phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu BT, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2017/DS-ST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị L, Võ Văn K về việc yêu cầu ông Mai Văn K trả lại nhà làm việc và nhà kho trên phần đất thuộc thửa 100 tờ bản đồ số 17 (hiện thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 17) tọa lạc tại thị trấn Ba Tri nhưng chỉ nhận bằng giá trị tài sản. Buộc ông Mai Văn K thanh toán tài sản cho bà Phạm Thị L và ông Võ Văn K số tiền là 152.964.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu chín trăm sáu mươi tư ngàn đồng).

2. Đình chỉ yêu cầu của bà L, ông K về việc yêu cầu ông K trả số tiền 475.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng tK mại cổ phần KL, buộc ông Mai Văn K và bà Phạm Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tK mại cổ phần KL chi nhánh BT số tiền là 338.279.815 đồng (ba trăm ba mươi tám triệu hai trăm chín mươi bảy ngàn tám trăm mười lăm đồng). Trong đó: tiền vốn là 168.400.000 đồng, lãi trong hạn là 0 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 02/10/2016 là 169.879.815 đồng.

Trường hợp ông Mai Văn K và bà Phạm Thị L không tự nguyện thi hành số tiền trên thì Ngân hàng tK mại cổ phần KL (Ngân hàng tK mại cổ phần KL chi nhánh BT) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Ba Tri phát mãi tài sản thế chấp gồm: thửa đất số 100, tờ bản đồ số 17 (hiện thuộc thửa 104, tờ bản đồ số 17); thửa đất số 596, tờ bản đồ số 1; thửa đất số 842 tờ bản đồ số 09 do ông Mai Văn K đứng tên quyền sử dụng; thửa đất số 1017, tờ bản đồ số 8 do bà Phạm Thị L đứng tên quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Mai Văn K phải nộp 7.648.200 đồng (bảy triệu sáu trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Mai Thị L, ông Võ Văn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.500.000 đồng (mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0018579 ngày 25/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

5. Án phí kinh doanh tK mại sơ thẩm:

Bà Phạm Thị L và ông Mai Văn K phải liên đới nộp số tiền 16.913.990 đồng (mười sáu triệu chín trăm mười ba ngàn chín trăm chín mươi đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng tK mại cổ phần KL số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.650.000 đồng (tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003615 ngày 25/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

6. Án phí dân sự phúc thẩm Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu BT phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các biên lai thu số 0007497 ngày 13/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri là đủ.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh BT;*
- *TAND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Tư